

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ T
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 51/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 04-8-2022

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T, TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Văn Hải

Bà Trần Thị Chiêm

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị M Phương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T tham gia phiên tòa: Ông Phạm Hữu Hiền - Kiểm sát viên.

Trong ngày 04 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố T, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 188/2021/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 11 năm 2021 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 54/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Phạm Thị Thanh M, sinh năm 1984;

Địa chỉ: Số 7A/53 T, Phường 14, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Huyền T, sinh năm: 1988 - Luật sư Công ty luật TNHH Sài Gòn 24H thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh, có mặt.

- Bị đơn: Ông Trần Thanh T, sinh năm 1978;

Địa chỉ: Số 79 V, Phường 3, thành phố T, tỉnh Long An, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 10 tháng 11 năm 2021 và các lời khai tiếp theo trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà Phạm Thị Thanh M trình bày: Bà và ông Trần Thanh T tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2011, có tổ chức cưới hỏi, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 14, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh. Sau ngày cưới bà và ông T sống cùng nhà cha mẹ ruột bà M ở Thành phố Hồ Chí Minh hạnh phúc được thời gian đầu và có 02 con chung. Bắt đầu phát sinh mâu thuẫn vào năm 2012 do bất đồng quan điểm về cách suy nghĩ và lối sống, tính tình ông T gia trưởng, bảo thủ, thu nhập hàng tháng của ông T, ông T giữ hết không góp tiền cho bà nuôi con và chi phí sinh hoạt hàng ngày trong gia đình, bà nhiều lần khuyên nhưng ông T không nghe mà còn gây gổ, xúc phạm bà nhiều lần, cả hai không còn hòa hợp với nhau, thường xuyên xảy ra cãi vã, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng kéo dài. Khoảng cuối năm 2017 ông T về Long An làm việc và sinh sống, vợ chồng chấm dứt quan hệ từ cuối năm 2017 cho đến nay. Nay bà nhận thấy tình cảm không còn nên yêu cầu được ly hôn với ông T.

Về con chung: Bà và ông T có 02 con chung tên Trần M Thanh T sinh năm 17/7/2012 và Trần M Bảo B sinh ngày 14/8/2013. Hiện nay Thanh T đang sống chung với bà còn Bảo B sống chung với ông T. Khi ly hôn bà yêu cầu được nuôi Thanh Thanh, ông T nuôi Bảo B. Bà và ông T không ai cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Trần Thanh T trình bày: Ông thống nhất với bà M về thời gian và điều kiện kết hôn. Sau khi kết hôn ông và bà M chung sống hạnh phúc và có 02 con chung, đến cuối năm 2017 ông chuyển về làm việc và sinh sống ở Long An nên vợ chồng không thường xuyên gặp nhau, thỉnh thoảng bà M có về Long An thăm con, theo ông vợ chồng có mâu thuẫn nhưng chưa đến mức trầm trọng. Nay ông xác định còn tình cảm với bà M nên không đồng ý ly hôn mà xin đoàn tụ. Nếu được hàn gắn thì bà M phải làm tròn trách nhiệm của người vợ đối với chồng với con.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Trần Mai Thanh T sinh năm 17/7/2012 và Trần Mai Bảo B sinh ngày 14/8/2013. Hiện nay Bảo B sống chung với ông; Thanh T sống chung với bà M. Nếu phải ly hôn ông yêu cầu được nuôi 02 con chung, không yêu cầu bà M cấp dưỡng nuôi con.

Hiện nay bà M chưa có nhà cửa ổn định, không có thu nhập, không biết nấu ăn nên không nuôi dạy con tốt.

Tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án T hành hòa giải đoàn tụ nhưng không thành và vụ án được đưa ra xét xử theo thủ tục chung.

Tại phiên tòa, các đương sự vẫn giữ nguyên ý kiến của mình, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn, bị đơn yêu cầu được đoàn tụ. Cả hai tranh chấp về nuôi con chung.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn cho rằng: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai của nguyên đơn, bị đơn có

căn cứ xác định bà M và ông T tự nguyện kết hôn vào năm 2011, có đăng ký kết hôn nên là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng giữa bà M và ông T không hạnh phúc, phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã, bất đồng quan điểm sống, tính tình không hòa hợp, ông T không làm tròn nghĩa vụ của người chồng, người cha, không có trách nhiệm đối với bà M và con chung, thu nhập hàng tháng ông T giữ không chia sẻ các chi phí sinh hoạt chung trong gia đình và chi phí nuôi con. Vợ chồng mạnh ai nấy sống không quan tâm, chăm sóc giúp đỡ và chia sẻ lẫn nhau. Bà M không hạnh phúc khi chung sống với ông T, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn được. Từ năm 2017 đến nay bà M và ông T không còn sống chung, mỗi người sống mỗi nơi, ông T sinh sống ở Long An còn bà M sống ở Thành phố Hồ Chí Minh, mục đích hôn nhân không đạt được. Luật sư đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 19, Điều 21 và khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình giải quyết cho bà M được ly hôn ông T.

Về yêu cầu nuôi con: Hiện nay bà M đang nuôi dưỡng cháu Trần Mai Thanh T sinh năm 17/7/2012; ông T nuôi dưỡng cháu Trần M Bảo Bsinh ngày 14/8/2013.

Bà M là người trực tiếp nuôi dưỡng Thanh T từ nhỏ đến nay không có bất kỳ sự giúp đỡ gì từ ông T. Hiện nay bà M có chỗ ở ổn định do được thừa kế căn nhà ở phường 14, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, thu nhập hàng tháng từ việc cho thuê nhà trọ khoảng 21 triệu đồng/tháng, đủ điều kiện và khả năng nuôi cháu Thanh T phát triển về mọi mặt. Mặc khác Thanh T là bé gái, từ nhỏ đã sống với mẹ được chăm sóc chu đáo, kết quả học tập hàng năm đều loại giỏi, phát triển tốt về thể chất và tinh thần. Vì vậy, để tránh thay đổi về môi trường sống và học tập nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu nuôi con của bà M, giao cháu Thanh T cho bà M nuôi dưỡng, phù hợp với nguyện vọng của cháu Thanh muốn sống với mẹ.

Cháu Trần Mai Bảo B từ khi sinh ra đã sống cùng cha mẹ ông T ở Long An. Đến năm 2017 đến nay ông T về Long An trực tiếp nuôi dưỡng cháu Bảo, để tránh thay đổi môi trường sống một cách đột ngột ảnh hưởng đến tâm lý của cháu Bảo nên đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục giao cháu Bảo cho ông T nuôi dưỡng, đồng thời phù hợp với nguyện vọng cháu Bảo muốn sống với cha.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố T tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát cho rằng:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của các đương sự, việc xác định thẩm quyền, tư cách người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ của Tòa án từ khi thụ lý và trong quá trình xét xử tại phiên tòa đảm bảo đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

Về nội dung: Theo lời khai của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện hôn nhân giữa bà M và ông T là hôn nhân hợp pháp, trong thời gian chung sống cả hai phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm về tính cách và lối sống, tính tình không hòa hợp, thường xuyên cãi vã, cả hai không còn hạnh phúc khi chung sống với nhau, ly thân từ năm 2017 đến nay, mâu thuẫn đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, ông T yêu

cầu được đoàn tụ nhưng không đưa ra được biện pháp hàn gắn quan hệ vợ chồng. Do đó, yêu cầu ly hôn của bà M đối với ông T là có căn cứ đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của Bà M đối với ông T.

Về yêu cầu nuôi con: Bà M và ông T có 02 con chung tên Trần Mai Thanh T sinh năm 17/7/2012 và Trần Mai Bảo B sinh ngày 14/8/2013, hiện nay cháu Thanh sống với bà M, cháu Bảo đang sống với ông T. Theo biên bản lấy ý kiến con chung ngày 18/4/2022 của Tòa án đối với cháu Trần Mai Bảo B thì nguyện vọng cháu B muốn sống với ông T; cháu Trần Mai Thanh T nguyện vọng muốn sống với bà M. Tại phiên tòa hôm nay, theo trình bày của các đương sự thì cả bà M và ông T đều có việc làm tạo ra thu nhập để chăm sóc nuôi dưỡng con tốt. Xét thấy cháu Thanh là gái, kết quả học tập hàng năm cháu đều đạt loại giỏi. Để đảm bảo cuộc sống ổn định, phát triển tốt về tinh thần và thể chất của các cháu. Căn cứ vào Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình đề nghị HĐXX giao cháu Thanh cho bà M tiếp tục nuôi dưỡng; Giao cháu Trần Mai Bảo B cho ông T tiếp tục nuôi dưỡng.

Ông T cho rằng bà M không đủ điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng con nhưng không có chứng cứ thể hiện việc bà M không chăm sóc tốt cháu Thanh T.

Về cấp dưỡng nuôi con: các đương sự không yêu cầu nên không đề cập.

Về tài sản chung, nợ chung: các đương sự không yêu cầu nên không đề cập

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền: Bà Phạm Thị Thanh M khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Trần Thanh T. Ông T có địa chỉ cư trú ở số 79 V, Phường 3, thành phố T, tỉnh Long An. Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án nhân dân Thành phố T thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị Thanh M và ông Trần Thanh T tự nguyện chung sống với nhau, có tổ chức cưới hỏi, có đăng ký kết hôn được Ủy ban nhân dân Phường 14, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn vào ngày 09 tháng 12 năm 2011 nên là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận.

Sau khi kết hôn, bà M và ông T chung sống hạnh phúc được thời gian đầu và có 02 con chung, năm 2012 phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm về tính cách và lối sống, tính tình không còn hòa hợp, thường xuyên cãi vã. Cả hai không còn tôn trọng, quan tâm, chia sẻ, thương yêu, chăm sóc lẫn nhau, mạnh ai nấy sống. Khoảng cuối năm 2017 bà M và ông T không còn chung sống với nhau, bà M sống ở Thành phố Hồ Chí Minh còn ông T về Long An sinh sống, cả hai đã chấm dứt quan hệ vợ chồng đến nay 04 năm. Mâu thuẫn đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu ly hôn của bà M đối với ông T là có căn cứ phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà M đối với ông T. Không có căn cứ chấp nhận yêu cầu được đoàn tụ của ông T.

[3] Về con chung: Bà M và ông T có 02 con chung tên Trần Mai Thanh T sinh năm 17/7/2012 và Trần Mai Bảo B sinh ngày 14/8/2013. Khi ly hôn bà M yêu cầu được nuôi cháu Trần Mai Thanh T, ông T nuôi cháu Trần Mai Bảo B.

Xét thấy, bà M và ông T hiện nay đều có chỗ ở và thu nhập ổn định, bà M thì có thu nhập hàng tháng từ tiền cho thuê nhà trọ, ông T là nhân viên Ngân hàng hàng tháng có thu nhập khá. Cả hai đều đủ điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng con chung.

Cháu T hiện nay đang sống chung với bà M, cháu B đang sống chung với ông T, cả hai cháu đều được bà M và ông T nuôi dưỡng, chăm sóc chu đáo, đảm bảo phát triển tốt về thể chất và tinh thần. Tại biên bản lấy ý kiến ngày 08/12/2021 cháu T nguyện vọng muốn sống với mẹ, cháu B nguyện vọng muốn sống với cha. Để đảm bảo sự phát triển ổn định về mọi mặt của cháu T và B, tránh thay đổi môi trường sống và học tập của các cháu nên chấp nhận yêu cầu của bà M. Tiếp tục giao cháu T cho bà M nuôi dưỡng; cháu Bảo cho ông T nuôi dưỡng, phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Ông T cho rằng bà M không đủ điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng con chung nhưng không xuất trình được chứng cứ thể hiện việc bà M không chăm sóc tốt cháu T. Do đó không có cơ sở chấp nhận yêu cầu của ông T được nuôi cháu T và cháu Bảo.

Về cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự tự nguyện không yêu cầu nên không xem xét đề cập.

Trong trường hợp sau khi ly hôn các đương sự có tranh chấp về người trực tiếp nuôi con hoặc cấp dưỡng nuôi con thì có thể yêu cầu Tòa án giải quyết bằng vụ án khác theo quy định pháp luật.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Các bên xác định không có, không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập.

Trong quá trình tố tụng, ông T có trình bày không đồng ý ly hôn với bà M, nếu ly hôn thì ông T yêu cầu bà M trả cho ông 50 chỉ vàng 24k vì trong quá trình chung sống với bà M ông có gửi bà M giữ 50 chỉ vàng. Bà M không thừa nhận có giữ số vàng trên.

Đối với trình bày của ông T, Tòa án có lập biên bản giải thích và ấn định thời hạn để ông T làm thủ tục khởi kiện tranh chấp đối với bà M nhưng ông T không thực hiện nên Tòa án không xem xét giải quyết trong vụ án này. Trong trường hợp sau khi ly hôn ông T có tranh chấp chia tài sản chung hoặc đòi tài sản thì có thể khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết bằng vụ án khác theo quy định pháp luật.

[5] Ý kiến phát biểu của luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn và nuôi con của bà M là có căn cứ.

[6] Phát biểu của kiểm sát viên đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn và nuôi con của bà M là có căn cứ và phù hợp pháp luật.

[7] Về án phí: Bà M phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Thanh M đối với ông Trần Thanh T về yêu cầu ly hôn và yêu cầu nuôi con.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị Thanh M được ly hôn với ông Trần Thanh T.

2. Về con chung: Giao con chung chưa thành niên tên Trần Mai Thanh T sinh ngày 17/7/2012 cho bà Phạm Thị Thanh M trực tiếp nuôi dưỡng.

Giao con chung chưa thành niên tên Trần Mai Bảo B sinh ngày 14/8/2013 cho ông Trần Thanh T trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Phạm Thị Thanh M và ông Trần Thanh T tự nguyện không yêu cầu nên không đề cập.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được quyền cản trở. Trên cơ sở lợi ích của con, khi cần thiết một trong hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Cá nhân, cơ quan, tổ chức có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con theo luật định.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình; yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Bà Phạm Thị Thanh M chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, chuyển 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí bà M đã nộp theo biên lai thu số 0001114 ngày 16 tháng 11 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Long An sang thi hành án phí. Bà M đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND tp. T;
- Chi cục THADS tp. T;
- UBND P14, Q10, Tp HCM;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Diễm Hằng

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Chiêm Nguyễn Mạnh Tuấn

Nguyễn Thị Diễm Hằng

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND tp. T;
- Chi cục THADS tp. T;
- UBND xã An Vĩnh Ngãi, tp T;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Diễm Hằng

